

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2026/DS-ST
Ngày 19 – 3 – 2026
V/v tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hoàng Giang
- Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2026/TLST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V; địa chỉ: số 89, Láng Hạ, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Minh K, sinh năm 1997; Căn cước công dân số 096097007150, cấp ngày 18/12/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Chức vụ: Chuyên viên pháp lý và anh Lê Văn M, sinh năm 1998; Căn cước công dân số 096098006515, cấp ngày 27/10/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Chức vụ: Chuyên viên pháp lý; Địa chỉ: số 149K, đường Nguyễn Tất Thành, phường L, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V theo văn bản ủy quyền số: 8754/2025/UQ-VPB ngày 22/12/2025 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1994; Căn cước công dân số 096194009807, cấp ngày 02/12/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: ấp Rạch Chèo, xã N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 03/11/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V (gọi tắt là Ngân hàng) cùng chị Trần Thị Tuyết L thỏa thuận ký giấy đề nghị kiêm hợp

đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2011092993710 với hạn mức tín dụng thẻ là 88.000.000 đồng. Đến ngày 10/11/2020, Ngân hàng giải ngân cho chị L vay qua thẻ tín dụng với số tiền 54.000.000 đồng theo hồ sơ giải ngân số 181-P-808750, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 10/11/2020 (ngày giải ngân), lãi suất thỏa thuận được ghi nhận tại hợp đồng.

Ngày 12/10/2022, Ngân hàng tiếp tục cùng chị L ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2210127061648 với hạn mức cho vay là 150.000.000 đồng. Đến ngày 20/10/2022, Ngân hàng giải ngân cho chị L vay số tiền nêu trên theo hồ sơ giải ngân số LD2229301255, thời hạn vay là 60 tháng.

Tiếp tục vào ngày 30/01/2023, Ngân hàng ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2302028246890 cho chị L vay số tiền 50.000.000 đồng, số tiền vay này được giải ngân vào ngày 06/02/2023 theo hồ sơ giải ngân số LD2303704624, thời hạn vay 36 tháng.

Cả hai hợp đồng trên, chị L vay nhằm mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất thỏa thuận được ghi nhận tại hợp đồng và định kỳ bên vay phải thanh toán nợ gốc và lãi 01 tháng/lần. Khi đó, hệ thống sẽ tự động tính lãi gốc trong kỳ thanh toán và gửi thông báo số tiền gốc, lãi cho khách hàng biết số tiền cụ thể. Quá trình thực hiện hợp đồng, cả ba hợp đồng nêu trên, chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng từ ngày 05/5/2023, 15/5/2023 cho đến nay. Tuy nhiên, trong thời gian giải quyết vụ án, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chị L trả khoản nợ vay của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2011092993710 theo hồ sơ giải ngân số 181-P-808750. Hai hợp đồng tín dụng còn lại hiện chị L còn nợ Ngân hàng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay có số hồ sơ giải ngân LD2229301255, tính từ ngày 15/5/2023 đến ngày 16/3/2026 còn nợ vốn vay 140.752.812 đồng, nợ lãi 127.715.583 đồng (lãi trong hạn 85.143.722 đồng, lãi quá hạn 42.571.861 đồng).

- Hợp đồng cho vay có số hồ sơ giải ngân LD2303704624, tính từ ngày 05/5/2023 đến ngày 16/3/2026 còn nợ vốn vay 47.992.712 đồng, nợ lãi 51.842.127 đồng (lãi trong hạn 34.561.418 đồng, lãi quá hạn 17.280.709 đồng)

Tổng số tiền nợ vốn và lãi của hai hợp đồng là 368.303.234 đồng trong đó, nợ gốc là 188.745.524 đồng và nợ lãi là 179.557.710 đồng (lãi trong hạn 119.705.104 đồng, lãi quá hạn 59.852.570 đồng) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị L thanh toán một lần hết số tiền nợ của hai hợp đồng nêu trên và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Đồng thời, do bận công việc nên người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Đối với chị Trần Thị Tuyết L (bị đơn), Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị không đến Tòa, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, riêng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có lời khai và xin vắng mặt nên căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và quyết định vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định lãi suất cụ thể: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2210127061648, ngày 12/10/2022 theo hồ sơ giải ngân số LD2229301255, ngày 20/10/2022 và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2302028246890, ngày 30/01/2023 theo hồ sơ giải ngân số LD2303704624, ngày 06/02/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập họp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đề phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện: Việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn các khoản tính đến ngày 16/3/2026 với tổng số tiền là 368.303.234 đồng (ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm lẻ ba nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng) là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho nguyên đơn cùng lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp.

[3] Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2011092993710 theo hồ sơ giải ngân số 181-P-808750 với số tiền bị đơn còn nợ là 128.886.005 đồng, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng thẻ này vào ngày 12/3/2026, nên đình chỉ giải quyết là phù hợp.

[4] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, tuy nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán một lần hết số tiền nợ vay nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;
Căn cứ vào các Điều 147, 217, 228, 238 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V.

Buộc chị Trần Thị Tuyết L thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V các khoản tính đến ngày 16/3/2026 với tổng số tiền là 368.303.234 đồng (ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm lẻ ba nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng) trong đó, nợ gốc là 188.745.524 đồng và nợ lãi là 179.557.710 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/3/2026, chị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà chị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V kiện đòi chị Trần Thị Tuyết L trả số tiền nợ là 128.886.005 đồng (một trăm hai mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn không trăm lẻ năm đồng) của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2011092993710 theo hồ sơ giải ngân số 181-P-808750.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Trần Thị Tuyết L phải nộp số tiền là 18.415.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng - chưa nộp).

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V không phải nộp. Ngày 31/12/2025, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 10.770.000 đồng (mười triệu bảy trăm bảy chục nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007442 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lâm Hoài Ân